

I. SƠ LƯỢC TÌNH HÌNH TRANG TRẠI TRÊN THẾ GIỚI

Trang trại là loại hình cơ sở sản xuất nông nghiệp của hộ gia đình nông dân, hình thành và phát triển trong điều kiện nền kinh tế thị trường từ khi phương thức sản xuất này thay thế phương thức sản xuất phong kiến. Trang trại được hình thành từ cơ sở của các hộ tiểu nông sau khi phá bỏ cái vỏ bọc sản xuất tự cấp tự túc khép kín, vươn lên sản xuất nhiều nông sản hàng hóa tiếp cận với thị trường, từng bước thích nghi với nền kinh tế cạnh tranh.

Kinh tế trang trại là nền kinh tế nông nghiệp sản xuất hàng hóa, khác với nền kinh tế tiểu nông tự cấp tự túc. Marx đã phân biệt chủ trang trại (fermier - farmer) với người tiểu nông:

- Người chủ trang trại bán ra thị trường toàn bộ sản phẩm làm ra.
- Người tiểu nông tiêu dùng đại bộ phận sản phẩm làm ra và mua bán càng ít càng tốt.

Đến những năm cuối thế kỷ 20, trang trại gia đình đã trở thành mô hình sản xuất phổ biến nhất của nền nông nghiệp thế giới, chiếm tỷ trọng lớn tuyệt đối về đất đai canh tác và khối lượng nông sản làm ra. Còn các xí nghiệp nông nghiệp của tư bản tập trung quy mô lớn chỉ chiếm một tỷ trọng nhỏ về đất đai cũng như khối lượng nông sản. Sở cơ sở này không những không phát triển hay phát triển không đáng kể mà ở một số nơi còn có chiều hướng giảm dần.

Từ cuối thế kỷ 17, Anh là nước đi vào công nghiệp hóa sớm nhất thế giới, có quan niệm cho rằng: trong nền kinh tế hàng hóa TBCN, nông

nghiệp cũng phải xây dựng các xí nghiệp tập trung quy mô lớn như các xí nghiệp công nghiệp. Vì vậy, thời gian này đã có chủ trương thúc đẩy quá trình tập trung ruộng đất, xây dựng các xí nghiệp nông nghiệp tư bản quy mô lớn và làm phá sản các trang trại gia đình phân tán với hy vọng là các mô hình mới này sẽ tạo ra nhiều nông sản tập trung với giá rẻ hơn sản xuất gia đình phân tán. Nhưng vì đặc điểm của nông nghiệp khác với công nghiệp là phải tác động vào những vật sống (cây trồng, vật nuôi) nên không phù hợp với hình thức sản xuất tập trung quy mô lớn, sử dụng lao động làm thuê tập trung nên hiệu quả cuối cùng của các xí nghiệp nông nghiệp tư bản quy mô lớn thấp hơn hiệu quả của các trang trại gia đình quy mô nhỏ.

Lúc đầu chính Marx cũng cho việc tập trung nông nghiệp thành các

xí nghiệp sản xuất quy mô lớn là điều tất yếu trong quá trình công nghiệp hóa nền nông nghiệp TBCN. Nhưng đến tác phẩm cuối cùng, Marx đã viết "ngay ở nước Anh với nền công nghiệp phát triển, hình thức sản xuất nông nghiệp có lợi nhất không phải là xí nghiệp nông nghiệp quy mô lớn mà là các trang trại gia đình không dùng lao động làm thuê".

Trải qua hàng mấy thế kỷ đến nay kinh tế trang trại gia đình tiếp tục phát triển ở những nước tư bản công nghiệp lâu đời cũng như các nước đang phát triển, các nước công nghiệp mới và đi vào các nước XHCN với cơ cấu và quy mô sản xuất khác nhau.

1. Vai trò quan trọng của trang trại các nước

- Mỹ: trang trại gia đình chiếm 87% tổng số trang trại, 65% đất đai và gần 70% giá trị nông sản của cả

TRANG TRẠI LÀ XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN TẤT YẾU CỦA NÔNG NGHIỆP NƯỚC TA

PGS.PTS. LÂM QUANG HUYỀN



nước. Có 2,2 triệu trang trại sản xuất hơn 50% sản lượng bắp và đậu tương toàn thế giới, hàng năm xuất khẩu 40 - 50 triệu tấn lúa, 50 triệu tấn ngô và đậu tương.

- Pháp: với 98.000 trang trại đã sản xuất khối lượng nông sản nhiều gấp 2,2 lần so với nhu cầu trong nước với tỷ số hàng hóa về hạt cốc là 95%, thịt sữa 70 - 80%, rau quả trên 70%. Riêng năm 1981, đã xuất khẩu 24 triệu tấn hạt cốc chiếm gần 1/2 tổng sản lượng.

- Hà Lan: có 128.000 trang trại, diện tích chỉ xấp xỉ bằng đồng bằng sông Cửu Long nhưng giá trị nông sản xuất khẩu chỉ đứng sau Mỹ. Có 1.500 trang trại chuyên trồng hoa hàng năm sản xuất 7 tỷ bông hoa và 600 triệu chậu hoa, trong đó có 70% dành cho xuất khẩu.

- Nhật Bản: với 4 triệu lao động ở trang trại (3,7% dân số) đã đảm bảo lương thực thực phẩm cho 125 triệu người (gạo 107%, thịt 81%, trứng 98%, sữa 89%, rau quả 76% - 95%, đường 84%).

- Malaysia: các trang trại trồng cây công nghiệp hàng năm sản xuất 4 triệu tấn dầu cọ (75% sản lượng thế), 1,6 - 1,8 triệu tấn mùn cưa, 274.000 tấn ca cao, 72.000 tấn cơm dừa và 23.000 tấn hồ tiêu...

Về năng suất lao động nông nghiệp của trang trại ở các nước công nghiệp phát triển, sản lượng của một lao động nông nghiệp ở Nhật nuôi được 20 người, ở Ý 25 người, Úc 35 người, Canada 35 người, Hà Lan 60 người, Mỹ 80 người, Anh 95 người, Bỉ 100 người. Ở các nước đang phát triển, do công nghiệp hóa còn thấp nên một lao động nông nghiệp mới nuôi được 4 - 5 người.

2. Về phân loại trang trại

Phân loại theo cơ cấu sản xuất: Ở những nước mà nông nghiệp đã phát triển đến trình độ cao như Mỹ, Canada, Tây Âu thì cơ cấu sản xuất theo hướng chuyên môn hóa như: chuyên nuôi bò thịt hay bò sữa, chuyên nuôi gà hay heo, chuyên trồng cây ăn trái hoặc hoa, rau, cây cảnh. Có những trang trại chuyên sản xuất nông sản hay lâm sản làm nguyên liệu cho công nghiệp chế biến, có khi kết hợp sản xuất với chế biến ở trình độ sơ chế hay tinh chế. Nhiều trang trại kinh doanh tổng hợp kết hợp lâm nghiệp với nông nghiệp như các nước Bắc Âu, kết hợp nông nghiệp với tiểu thủ công nghiệp như các nước châu Á.

Phân loại theo hình thức sở hữu về tư liệu sản xuất: Trường hợp phổ biến là người chủ trang trại sở hữu toàn bộ tư liệu sản xuất, từ đất đai, công cụ, máy móc đến chuồng trại, kho bãi. Riêng về ruộng, ở nhiều nước, 70 - 80% chủ trang trại có ruộng đất riêng. Ở Mỹ, số chủ trại sở hữu

hoàn toàn ruộng đất chiếm 59%, sở hữu một phần 29,3% và thuê hoàn toàn 11,7% (số liệu 1982). Có nước như Thụy Điển chỉ có 30% chủ trang trại có ruộng đất riêng.

Chủ trang trại chỉ sở hữu một phần tư liệu sản xuất còn phải đi thuê của người khác. Trường hợp khá phổ biến là trang trại có đất đai nhưng phải thuê máy móc, chuồng trại, kho tàng.

Cũng có trang trại hoàn toàn không có tư liệu sản xuất mà đi thuê toàn bộ các cơ sở của một trang trại hoặc của nhà nước để sản xuất, không chỉ máy móc thiết bị, kho tàng, chuồng trại mà cả đất đai, mặt nước, rừng cây.

Thực tế ở các nước có nền kinh tế thị trường phát triển cho thấy sở hữu tư liệu sản xuất không phải là yếu tố quyết định sự thành đạt của một trang trại.

Về quy mô đất đai: Quy mô trang trại gia đình ở các nước, các khu vực rất khác nhau:

- Châu Á: bình quân diện tích đất đai trang trại thấp nhất. Bangladesh 0,88 ha; Nhật Bản, Nam Hàn, Đài Loan 1 - 2 ha; Indonesia 1,77 ha; Ấn Độ 2 ha; Pakistan 3,86 ha; Thái Lan 4,5 ha.

- Châu Âu: Ý 7,9 ha; Hà Lan 16 ha; Đức 27,7 ha; Pháp 29,2 ha; Đan Mạch 31,7 ha; Anh 63,9 ha.

- Bắc Mỹ: Mỹ 180 ha.

Trong quá trình phát triển, quy mô bình quân của các trang trại đều tăng, cụ thể:

- Pháp: năm 1956 là 13 ha, đến năm 1989 là 28 ha.

- Mỹ: năm 1949 là 70 ha, đến năm 1980 là 180 ha.

- Nhật Bản: năm 1945 là 0,7 ha, đến năm 1989 là 1,2 ha.

3. Trang bị máy móc ở các trang trại

Các trang trại gia đình trên thế giới ngày càng được trang bị nhiều máy móc. Nếu năm 1930 mới có 1,3 triệu máy kéo thì đến năm 1985 đã có 25 triệu máy kéo lớn và 13 triệu máy kéo nhỏ. Ở các nước công nghiệp phát triển, các trang trại đã sử dụng máy móc hiện đại với mức độ cơ giới hóa ngày càng cao, từng bước tiến lên tự động hóa và tin học hóa. Do đó tỷ lệ lao động làm việc ở trang trại giảm nhiều: Mỹ còn trên 2%, Thụy Điển 3,6%, Đức 3,9%, Pháp 6,4%, Ý 9% so với tổng số lao động xã hội.

Ở Mỹ đã có 20% và ở Đức có 50% số trang trại gia đình có quy mô 50 ha trở lên đã sử dụng máy tính điện tử để điều hành sản xuất.

Còn ở các nước đang phát triển mới bắt đầu công nghiệp hóa, các trang trại gia đình phổ biến còn sử dụng công cụ thủ công, việc trang bị máy móc hiện đại chiếm tỷ lệ thấp. Ở Châu Á có hình thức mua máy dùng

riêng hoặc thuê máy để dùng.

4. Lao động trong các trang trại gia đình

Lao động trong các trang trại gia đình gồm: lao động quản lý, lao động sản xuất, lao động gia đình và lao động làm thuê. Số lượng lao động trong từng trang trại ở mỗi nước có khác nhau. Nó phụ thuộc chủ yếu vào trình độ công nghệ sản xuất nông nghiệp chứ không phải vào quy mô sản xuất.

Lao động quản lý trang trại (là chủ trang trại) thường là chủ gia đình hay một thành viên có năng lực và uy tín trong gia đình đảm nhận. Chủ trang trại vừa quản lý lao động sản xuất vừa làm việc với họ.

5. Hệ thống hợp tác xã (HTX) hỗ trợ các trang trại

Các nước có trang trại đều có hệ thống (mạng lưới) HTX hỗ trợ cho các trang trại. HTX hình thành trên cơ sở nhu cầu của những trang trại cần giúp đỡ về đầu vào cũng như đầu ra và hình thành trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện của các chủ trang trại trong phạm vi từng địa phương.

Có rất nhiều loại hình HTX, từ cung ứng dịch vụ và các vật tư kỹ thuật đến chế biến nông sản, tiêu thụ sản phẩm, bảo vệ quyền lợi của các chủ trang trại trước những doanh nghiệp hay các tổ chức bán buôn. Mục tiêu của các HTX loại này không phải lợi nhuận mà là góp sức với các trang trại làm cho mục tiêu kinh tế xã hội của các trang trại được thực hiện có kết quả tốt.

Ở Mỹ, năm 1985 có 5.369 HTX trong đó có 3.260 HTX chế biến và tiêu thụ nông sản, 2.109 HTX cung ứng vật tư, 138 HTX bảo quản, vận chuyển.

Ở Nhật, 99,2% số trang trại gia đình tham gia hoạt động của trên 4.000 HTXNN tại các làng, xã có hệ thống dọc lên tới huyện, tỉnh và toàn quốc. Các HTX này bảo đảm việc cung cấp vốn, vật tư kỹ thuật và tiêu thụ nông sản cho các trang trại.

Tóm lại, như đã trình bày ở trên, trang trại gia đình là hình thức tổ chức phổ biến trên thế giới, không những ở các nước công nghiệp phát triển mà cả ở những nước đang phát triển. Nếu kinh tế tiểu nông còn là kinh tế tự nhiên, tự cấp tự túc thì trang trại (nông trại) đã sản xuất hàng hóa, từ hàng hóa nhỏ chuyển dần lên hàng hóa hiện đại quy mô lớn. Tuy có khác nhau về quy mô, về nội dung sản xuất kinh doanh, về trình độ trang bị cơ sở vật chất nhưng trang trại phổ biến là trang trại gia đình có điểm giống nhau là ra đời và hoạt động trên cơ sở và trong khuôn khổ của một hộ nông dân làm nông nghiệp. Từ thế kỷ 17 đến nay, trang trại gia đình đã ra đời và phát triển trên khắp thế giới và khẳng định quy

luật phát triển cũng như vị trí quan trọng của nó trong quá khứ, hiện tại và tương lai.

Việt Nam, nông nghiệp VN cũng không ở ngoài xu hướng và quy luật phát triển của nông nghiệp thế giới như đã trình bày ở trên.

II. CÁC HÌNH THỨC TRANG TRẠI Ở NƯỚC TA

1. Từ sau khi có Nghị quyết 10 của Bộ chính trị (1988), hộ nông dân trở thành đơn vị tự chủ trong sản xuất kinh doanh. Luật đất đai (1993) giao quyền sử dụng ruộng đất ổn định lâu dài cho người nông dân với các quyền chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, thừa kế và thế chấp. Ngoài ra các chính sách thuế khóa, tín dụng, khuyến nông là những chỗ dựa vững chắc để các hộ tiểu nông chuyển dịch cơ cấu kinh tế và hình thành các trang trại không chỉ ở những vùng đã sản xuất hàng hóa mà cả ở những vùng chỉ sản xuất tự cấp tự túc. Tỷ suất và lượng nông sản hàng hóa đã tăng lên không chỉ ở nơi có bình quân ruộng đất cao mà cả những nơi đất hẹp người đông.

Từ kinh nghiệm các nước trên thế giới và thực tiễn ở nước ta, có thể thấy con đường để sản xuất nông nghiệp từ tự cấp tự túc chuyển sang sản xuất hàng hóa là con đường trang trại gia đình.

Để tìm hiểu sự chuyển động cụ thể nêu trên. Giáp sư Viện sĩ Đào Thế Tuấn cùng bộ môn hệ thống nông nghiệp (Viện khoa học nông nghiệp) đã tiến hành điều tra ở xã Thái Tân, huyện Nam Thanh, tỉnh Hải Dương, một xã thuộc loại yếu kém đã vượt lên từ 1988 đến 1994, kết quả như sau:

- Số nông hộ có mục tiêu là tiêu dùng tăng từ 39% lên 48%.

- Số hộ vừa tiêu dùng vừa sản xuất hàng hóa giảm từ 39% xuống còn 10%.

- Số hộ sản xuất hàng hóa tăng 22% lên 42%.

Như vậy là quá trình chuyển động trong sản xuất hàng hóa ở nông thôn đã được khởi động. Ở xã Thái Tân, mặc dù thiếu vốn nhưng nông dân đã vượt khó khăn bằng con đường lao động, tích lũy từ lao động để phát triển sản xuất theo hướng đa dạng hóa sản phẩm.

Cũng như nhiều nước trong khu vực, nước ta có bình quân ruộng đất vào loại thấp. Theo số liệu thống kê năm 1990, bình quân cả nước là 0,59 ha/hộ. Riêng miền núi phía Bắc là 0,83 ha; Tây Nguyên 0,88 ha; đồng bằng sông Cửu Long 0,94 ha, đồng bằng sông Hồng 0,3 ha. Nguồn sống chính của cư dân nông thôn dựa vào nông nghiệp, vì vậy cơ cấu thu nhập của các trang trại dựa hoàn toàn hay chủ yếu vào nông nghiệp bao gồm

trồng trọt và chăn nuôi. Các trang trại này thuộc loại "thuần nông" và loại này hiện nay chiếm đại bộ phận trang trại nước ta. Bên cạnh các trang trại thuần nông còn có các loại trang trại chỉ làm một phần nông nghiệp, phần còn lại là ngoài nông nghiệp. Các trang trại này thường có quy mô nhỏ và trang trại nào càng có ít ruộng đất càng kinh doanh ngoài nông nghiệp nhiều hơn như kết hợp nông nghiệp với tiểu thủ công nghiệp để tăng nguồn thu nhập.

Hiện nay, ở nước ta đã có những trang trại nhiều ruộng đất và những trang trại có ít ruộng đất nhưng lại có tỷ suất hàng hóa cao. Do đó khi nghiên cứu trang trại, nên lấy tỷ suất nông sản hàng hóa làm tiêu chí chính yếu.

Sau đây là một số thí dụ về mấy loại trang trại:

- a. Loại có ít ruộng đất nhưng có tỷ suất hàng hóa cao:

- Trang trại Bùi Văn Tài, Phí Đức Vui ở Thái Bình kinh doanh tổng hợp.

- Trang trại Trương Văn Thắng (Hà Giang) làm sinh vật cảnh.

- Trang trại Nguyễn Văn Tiến (Tiền Giang) nuôi trồng đặc sản.

- Trang trại Long Á Văn (Sông Bé) nuôi bò sữa.

- b. Loại trang trại hình thành trên cơ sở tích tụ ruộng đất

- Trang trại trồng cao su của Nguyễn Văn Sóc ở Sông Bé

- Trang trại trồng mía ở xã Thọ Xương huyện Thọ Xuân (Thanh Hóa)

- Trang trại cây ăn trái của Phan Văn Cần ở cù lao An Bình (Vĩnh Long)

- Trang trại nông lâm của Đinh Văn Thiệu ở Hòa Bình

- Trang trại trồng lúa ở huyện Tân Hồng tỉnh Đồng Tháp.

Như vậy, trên đất nước ta cho đến nay, chúng ta đã có một bức tranh toàn cảnh về các loại hình trang trại không chỉ ở những vùng bình quân ruộng đất cao như đồng bằng sông Cửu Long, Tây Nguyên, Đông Nam bộ và miền núi phía Bắc, mà cả vùng có bình quân ruộng đất thấp như đồng bằng sông Hồng và các tỉnh miền Trung. Và như vậy cũng đúng quan điểm của V.I Lênin khi ông khẳng định là tỷ suất nông sản hàng hóa không phụ thuộc vào diện tích đất kinh doanh.

Một đặc điểm khác cần chú ý là nông thôn nước ta còn nghèo, công nghệ canh tác còn lạc hậu, công cụ thủ công còn phổ biến, đó là một trở ngại trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa để có một nền nông nghiệp có tỷ suất hàng hóa cao.

2. Một số trang trại ở ngoại thành TP.HCM: Khu vực ngoại thành TP.HCM do đặc thù đất ít, người

đông, gần trung tâm đô thị lớn đã hình thành nhiều loại trang trại. Kết quả điều tra gần đây của Ban kinh tế thành ủy cho thấy ngoại thành TP.HCM có 332 trang trại, trong đó:

- Số có diện tích dưới 1 ha có 26 trang trại

- Số có từ 1 - 5 ha có 165 trang trại

- Số có từ 5 - 10 ha có 56 trang trại

- Số có từ 10 - 20 ha có 42 trang trại

- Số có từ 20 - 30 ha có 27 trang trại

Số trang trại có diện tích trên 30 ha chỉ chiếm 4,8% tổng số trang trại, phần lớn ở các vùng sâu vùng xa như ở huyện Củ Chi, Duyên Hải là những nơi còn gặp nhiều khó khăn trong sản xuất kinh doanh. Đáng chú ý là số trang trại có diện tích từ 1 - 10 ha là 221 cái, chiếm đến 2/3 tổng số.

Tùy vào điều kiện cụ thể về đất đai, tiền vốn và kỹ thuật, từng hộ đã tổ chức sản xuất kinh doanh theo một mô hình riêng.

Có dạng kinh doanh tổng hợp với mô hình VAC nhưng chủ yếu là nuôi bò sữa, heo, gà, chim cút. Trên 90% số hộ này có diện tích đất sản xuất dưới 7.000m². Số vốn đầu tư cho sản xuất thấp nhất là 100 triệu, cao nhất khoảng vài tỷ đồng. Doanh thu đạt từ 200 triệu đồng trở lên và lợi nhuận từ 20 triệu đến hàng trăm triệu đồng. Nhiều hộ thuê mướn lao động thường xuyên từ 2 - 4 người, nhưng chủ yếu là gia đình tự đứng ra tổ chức và quản lý.

Hộ ông Ba Đặng ở phường An Phú Đông, quận 12 là người sản xuất giỏi, bắt đầu từ việc nuôi cá tược dần trở thành nhà cung cấp cá giống. Ông còn kết hợp nuôi 120 con heo lấy phân nuôi cá, sau đó chuyển qua nuôi chim bồ câu (từ 2 năm nay). Hiện ông đang nuôi thử ba ba để cung cấp cho thị trường ăn uống thành phố. Thu nhập của ông Ba Đặng mỗi năm hàng trăm triệu đồng.

Anh Nguyễn Văn Im ở phường Thới An, quận 12 với 4 ha ao hồ, anh đã trở thành "ông vua" cung cấp cá giống với khoảng 20 tấn cá giống các loại. Mỗi năm đem lại lợi nhuận rất lớn.

Ông Thái Văn Tâm, ấp 1 Nhị Bình, Hóc Môn có 1,2 ha đất. Ông đã đầu tư 4 tỷ đồng (hơn 800 lạng vàng) để nuôi hươu và bò sữa. Lượng sữa hàng ngày được bán cho công ty Vinamilk, mỗi năm thu nhập hàng trăm triệu đồng.

Huyện Cần Giuộc có 266 hộ kết hợp trồng rừng với nuôi tôm và thủy sản, phần lớn có diện tích từ 1 - 5 ha (135 hộ, trên 50%) còn lại từ 5 - 10 ha (20%), từ 10 - 30 ha (23%), số còn lại (7%) có diện tích trên 30 ha. Tổng số

vốn đầu tư của số hộ này là 4.300 triệu đồng. Bình quân mỗi hộ đầu tư khoảng 16 triệu đồng, doanh thu năm 1997 đạt 1.859 triệu đồng.

Một dạng trang trại được coi là điển hình "lành chơi, ăn thật" là các hộ nuôi trồng hoa kiểng, cá kiểng. Nhiều hộ đã nổi danh như Kim Thủy, Tam Thọ, Ngọc Yến, Thanh Tâm, Tám Giáp... Một số hộ vừa có trang trại sản xuất vừa có cơ sở dịch vụ cung cấp và trang trí hoa kiểng cho các công trình văn hóa, du lịch, nhà ở, nơi vui chơi giải trí hoặc cung cấp cây giống cho nhiều vùng trong nước. Đa số các hộ này có diện tích từ 0,5 - 4 ha tập trung chủ yếu ở Thủ Đức, Gò Vấp, Hóc Môn, Bình Chánh. Các nhà kinh doanh lĩnh vực này cho biết: đầu tư vào lĩnh vực này rất lớn (hàng tỷ đồng), nhưng phải có tay nghề, niềm say mê và biết nắm bắt nhu cầu của thị trường. Đây là lĩnh vực kinh doanh cao cấp, có lượng hàng hóa lớn và thu nhập hàng trăm triệu đồng mỗi năm. Kinh doanh ở lĩnh vực này tương đối ổn định vì nhu cầu chơi hoa kiểng, cá kiểng ngày càng tăng trên thị trường nội địa và xuất khẩu.

Một vài năm trở lại đây, ở một số vùng sâu vùng xa từ Tam Tân, Phước Hiệp, Trung An... đã hình thành một số trang trại trồng cây ăn trái kết hợp với chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản có quy mô từ 3 đến vài chục ha. Đây là vùng đất thấp, chua phèn và bị ngập lụt hàng năm vào mùa nước lớn nên đầu tư cải tạo ban đầu rất tốn kém và chỉ đạt hiệu quả về lâu dài. Đến nay đã có gần 30 trang trại dạng này ở huyện Củ Chi.

III. MỘT SỐ VẤN ĐỀ TRANG TRẠI CẦN ĐƯỢC NGHIÊN CỨU GIẢI QUYẾT

Ở các nước tư bản phát triển, các trang trại có đầy đủ quyền chọn lựa việc mua sắm máy móc, hạt giống, phân bón, thức ăn gia súc, các dịch vụ... của nhiều đơn vị cung ứng khác nhau và tiêu thụ sản phẩm theo nhiều cách khác nhau. Cơ chế thị trường thể hiện nhu cầu của xã hội, thể hiện giá cả một cách khách quan. Đó là một trong những cơ chế hữu hiệu nhất nhằm điều tiết các tỷ lệ cân đối. Không có độc quyền nhà nước về mua bán tư liệu sản xuất và vật tư nông nghiệp, người nông dân được lựa chọn tự do mua bán tư liệu sản xuất và sản phẩm của mình ở bất cứ nơi nào.

Nhà nước còn đầu tư những khoản đầu tư lớn cho nông nghiệp. Nhà nước cho các trang trại gia đình vay vốn tín dụng với lãi suất thấp. Có chính phủ như Nhật Bản có chính sách bảo hộ các trang trại trong cuộc cạnh tranh trên thị trường nông sản với nước ngoài. Nhà nước cũng cần có chính sách khuyến khích các ngành công nghiệp và dịch vụ hỗ trợ các trang trại.

Đối với các trang trại nước ta nổi lên một số vấn đề như sau:

1. Về quy mô và đất đai

Trong quá trình hình thành và phát triển trang trại, tích tụ và tập trung ruộng đất là tất yếu, là quy luật khách quan. Cho đến nay quy mô nhiều trang trại ở các miền đất nước đã vượt quá mức "hạn điền" do Luật đất đai 1993 và chính phủ quy định. Do đó nhiều chủ trang trại băn khoăn muốn có chính sách ổn định, nhất là chính sách đất đai để "an cư lạc nghiệp". Họ hy vọng Quốc hội họp kỳ này sẽ bổ sung sửa đổi Luật đất đai để vừa khuyến khích sự ra đời phát triển của các trang trại, vừa có xu hướng giải quyết công ăn việc làm cho nông dân không có ruộng đất ngày càng tăng ở nông thôn do ruộng đất được tích tụ lại thành trang trại.

2. Về đầu tư và tín dụng

Từ khi Ngân hàng nông nghiệp VN triển khai cấp tín dụng trực tiếp cho nông dân với quy mô nhỏ (khoảng 1,5 triệu đồng mỗi khoản) đến 30.6.1994 đã có 2,6 triệu hộ nông dân (gần 26% số hộ) được vay gần 5.000 tỷ đồng vốn. Kết quả cho thấy nông dân rất cần vốn để sản xuất. Vốn vay đã thực sự dùng vào sản xuất kinh doanh có hiệu quả và trả nợ sòng phẳng. Tuy nhiên, nguồn tín dụng cho nông dân vay còn rất hạn hẹp, có đến 50% số hộ cần vay vốn nhưng chưa được vay. Số vốn cho vay trung hạn và dài hạn còn quá ít (chỉ chiếm 8,9% tổng số vốn cho vay) nhất là ở những vùng kinh tế trang trại phát triển. Do đó ngân hàng cần tăng số vốn vay cả về số lượng và thời hạn được vay cho người nông dân.

3. Vấn đề cung ứng vật tư và tiêu thụ nông sản

Sản xuất trang trại là sản xuất hàng hóa. Do đó cần có các chính sách tài chính và thương mại phù hợp để hỗ trợ các trang trại cả đầu vào lẫn đầu ra. Kinh nghiệm nhiều nước châu Á cho biết không thể hiện đại hóa ngành nông nghiệp nếu có sự độc quyền phân phối các vật tư nông nghiệp hoặc giao toàn bộ các việc này cho khu vực tư nhân. Cách tốt nhất là khuyến khích sự cạnh tranh giữa hai khu vực nhà nước và tư nhân để lợi ích của nông dân và trang trại được phục vụ tốt hơn.

4. Vấn đề lao động trong các trang trại

Lao động làm việc ở các trang trại gồm lao động quản lý và lao động sản xuất. Lao động quản lý thường là chủ trang trại, là chủ gia đình hay một thành viên có năng lực trong gia đình. Chủ trang trại thường là "lão nông tri điền", là những nông dân tuổi đời còn trẻ, ham học hỏi, phần lớn ít được bồi dưỡng về kỹ thuật mà chỉ do tự mày mò qua sách báo, qua

phát thanh truyền hình, rất ít người được học chính quy. Do đó việc bồi dưỡng về quản lý và kỹ thuật đối với các chủ trang trại trở thành yêu cầu bức thiết. Ngoài ra cũng cần đào tạo cán bộ khuyến nông và chủ nhiệm HTX của các trang trại.

Đối với lao động làm thuê trong các trang trại, có 2 loại: thường xuyên và thời vụ. Ngoài ra có hình thức đối công, vẫn công trên tinh thần hợp tác tương trợ giữa trang trại và hộ tiểu nông. Các hình thức trả công khá phong phú; bằng tiền hay hiện vật, hoặc vừa bằng tiền vừa bằng hiện vật hoặc trả công khoán theo số lượng chất lượng công việc. Tuy nhiên về mặt pháp lý phải bảo đảm mức sống tối thiểu cho người lao động ở từng vùng.

5. Hợp tác xã của các trang trại

Trang trại cũng như hộ tiểu nông đều có nhu cầu hợp tác. Kinh tế hàng hóa càng phát triển, yêu cầu hợp tác càng nhiều cả đầu vào và đầu ra. Khi hộ tiểu nông đã chuyển thành trang trại thì mối quan hệ chính - phụ giữa trang trại với HTX vẫn không thay đổi, có khác chăng là HTX hình thành dễ dàng hơn và hoạt động thuận lợi hơn. Kinh nghiệm nhiều nước trên thế giới cho thấy, để tăng thêm sức mạnh và để đối phó lại với sức ép kinh tế thì các đô thị, các trang trại đã từng bước liên kết lại trên nhiều lĩnh vực như tín dụng, công nghiệp chế biến, bảo hiểm... và các HTX phục vụ trang trại phát triển và thành hệ thống dọc.

6. Khẳng định tính chất pháp lý của trang trại: Trang trại (gia đình) đã có lịch sử mấy trăm năm trên thế giới nay cũng xuất hiện rộng rãi khắp nước ta và đang thúc đẩy kinh tế hàng hóa nông nghiệp phát triển. Do đó, đã đến lúc Đảng và nhà nước cần có luật (hay pháp lệnh) khẳng định và bảo vệ trang trại như một thành viên quan trọng của nền kinh tế quốc gia.

Trên đây là mấy vấn đề nổi lên của trang trại cần được nghiên cứu giải quyết để trang trại ngày càng phát triển đúng hướng ■

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Điển, Trần Đức, Trần Huy Năng; *Kinh tế trang trại gia đình trên thế giới và châu Á*, NXB Thống kê, 1993.
2. Trần Đức, *Trang trại gia đình ở VN và trên thế giới*, NXB Chính trị quốc gia, 1995.
3. Lâm Quang Huyền, *Kinh tế nông hộ và kinh tế hợp tác trong nông nghiệp*, NXB Khoa học xã hội, 1995.
4. Lương Quang Ngọc, TP.HCM, hình thành nhiều kiểu trang trại, *Sài Gòn giải phóng*, ngày 8.10.1998, trang 3.